TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THUỶ NGUYÊN** **THÀNH PHỐ P**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 04/2025/QĐST-HNGĐ	*Thuỷ Nguyên, ngày 07 tháng 01 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 355/2024/TLST/HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2024, giữa:

Chị Bùi Thị H1, sinh năm 1997; ĐKHKTT: Thôn 2, xã Q, huyện N, thành phố P; nơi cư trú: Thôn 3, xã T (Địa chỉ cũ: Thôn 3, xã H), thành phố N, thành phố P và anh Đặng Văn H2, sinh năm 1993; nơi cư trú: Tổ dân phố 2, phường Q (Địa chỉ cũ: Thôn 2, xã Q), thành phố N, thành phố P.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 12 năm 2024,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 12 năm 2024 là H2 toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Bùi Thị H1 và anh Đặng Văn H2.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị H1 và anh Đặng Văn H2 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Bùi Thị H1 và anh Đặng Văn H2 thống nhất có 01 con chung tên Đặng Hải N, sinh ngày 09/12/2024. Khi ly hôn, anh Đặng Văn H2 trực tiếp nuôi con chung tên Đặng Hải N cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Bùi Thị H1 và anh Đặng Văn H2 thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị Bùi Thị H1 và anh Đặng Văn H2 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Bùi Thị H1 nhận nộp cả án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010213 ngày 22 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N, thành phố P. Chị Bùi Thị H1 được H2 trả lại số tiền chênh lệch là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND thành phố P;
- VKSND thành phố N;
- Chi Cục THADS thành phố N;
- UBND phường Q, thành phố N, TP. P;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Vân